

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ NGÃ NĂM
TỈNH SÓC TRĂNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 10/2021/HNGĐ-ST

Ngày: 04-3-2021

V/v tranh chấp ly hôn và nuôi con.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ NGÃ NĂM – TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Đặng Thị Vàng**

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Trần Thị Lệ

Bà Đàm Thị Thanh Loan

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Tân, Thẩm tra viên Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa: Ông Lý Văn Hiếu - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 3 năm 2021 tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã Ngã Năm, tỉnh Sóc Trăng. Xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 203/2020/TLST – HNGĐ ngày 14 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp ly hôn và nuôi con. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 17/2021/QĐXXST – HNGĐ ngày 04/02/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị **Kim N**, sinh năm 2000 (Có mặt)

Địa chỉ: Ấp N, thị trấn P, huyện T, tỉnh Sóc Trăng.

- Bị đơn: Anh **Trà P**, sinh năm 1990 (Vắng mặt)

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Hiện đang cai nghiện tại Cơ sở cai nghiện ma túy tỉnh S, số E đường H, khóm R, phường P, thành phố S, tỉnh Sóc Trăng

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện lập cũng như nguyên đơn chị Kim N trình bày tại phiên tòa:*

Chị là người dân tộc Khmer nhưng chị nghe và nói rõ tiếng Việt, chị không yêu cầu người phiên dịch tiếng dân tộc mình. Chị và anh Trà P quen biết và có tình cảm sống chung với nhau vào năm 2017 và đến ngày 19/10/2018 thì vợ chồng chị đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Vợ chồng chị

cũng có khoảng thời gian chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên, thời gian về sau vợ chồng chị bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cãi vã, bất đồng quan điểm sống dẫn đến mâu thuẫn ngày càng trầm trọng không thể hàn gắn, nên chị quyết định sống ly thân với anh P vào cuối năm 2018 cho đến nay. Nhận thấy mục đích xây dựng gia đình hạnh phúc không đạt được, tình cảm vợ chồng đã không còn, quan hệ hôn nhân chỉ ràng buộc nhau về mặt pháp lý. Do đó chị yêu cầu ly hôn với anh Trà P.

Về con chung thì giữa chị và anh P có 01 người con chung tên Kim N1, sinh ngày 15/7/2017 hiện nay đang sống với anh P và mẹ anh P. Tại phiên tòa hôm nay, chị đồng ý giao con cho anh P nuôi dưỡng, chị tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng. Về tài sản chung, nợ chung thì trong thời kỳ hôn nhân vợ chồng chị không có tạo lập được tài sản chung, không thiếu nợ ai, cũng không ai nợ vợ chồng chị nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Về trợ cấp sau khi ly hôn: Chị không có yêu cầu trợ cấp sau khi ly hôn.

2/ Bị đơn anh Trà P trình bày tại biên bản lấy lời khai lập ngày 01/12/2020 như sau:

Anh và chị N cưới nhau vào năm 2018 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng. Quá trình sống chung vợ chồng anh có một con chung là cháu Kim N1, sinh ngày 15/7/2017, cháu N1 hiện nay đang sống với anh từ nhỏ đến lớn. Khi anh đi cai nghiện ma túy thì cháu N1 sống với bà nội là mẹ anh do đó anh yêu cầu được nuôi cháu N1. Vợ chồng mâu thuẫn dẫn đến việc chị N yêu cầu ly hôn là do chị N có quan hệ bất chính với người khác, hiện nay cũng đã có con với người khác nhưng anh không có yêu cầu xử lý gì đối với chị N. Anh đang cai nghiện nên xin xét xử vắng mặt.

Tại phiên tòa, vị Kiểm sát viên phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý vụ án, xác định quan hệ pháp luật, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ và đưa vụ án ra xét xử đúng trình tự thủ tục của Bộ luật Tố tụng dân sự. Hội đồng xét xử đúng thành phần, thực hiện đầy đủ các thủ tục, trình tự khi xét xử vụ án. Các đương sự đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm phát biểu về tính có căn cứ và yêu cầu của nguyên đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị N, cho chị N và anh P ly hôn. Về con chung giao cho anh P trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận ý kiến tự nguyện cấp dưỡng nuôi con của chị N, mỗi tháng 750.000 đồng. Về nợ chung, tài sản chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ chồng khi ly hôn, các đương sự không yêu cầu nên đề nghị Hội đồng xét xử không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Bị đơn anh Trà P vắng mặt nhưng có yêu cầu xét xử vắng

mặt. Tại Tòa nguyên đơn và đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm đề nghị xét xử vắng mặt bị đơn. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào điểm b khoản 2 Điều 227 và các khoản 1, 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS) năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt anh P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Năm 2017 chị Ngà và anh P tự nguyện sống chung với nhau như vợ chồng nhưng đến ngày 19/10/2018, chị N và anh P là những người có đầy đủ điều kiện kết hôn, anh chị tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã B, thị xã N, tỉnh Sóc Trăng và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn cùng ngày. Do vậy quan hệ hôn nhân giữa chị N và anh P là hợp pháp. Trong cuộc sống chung giữa vợ chồng, chị N cho rằng đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng thường xuyên cãi vã, chị N nhận thấy cuộc sống hôn nhân giữa anh chị không còn hạnh phúc, chị không còn tình cảm với anh P, nên chị N và anh P đã sống ly thân với nhau từ cuối năm 2018 cho đến nay. Còn anh P cũng có ý kiến cho rằng vợ chồng anh đã phát sinh nhiều mâu thuẫn, chị N có mối quan hệ bên ngoài nên vợ chồng đã ly thân với nhau và anh cũng đồng ý ly hôn với chị N. Tại phiên tòa hôm nay, chị N vẫn giữ yêu cầu ly hôn với anh P. Xét thấy, nền tảng của mối quan hệ hôn nhân vững chắc là việc vợ chồng yêu thương nhau, quan tâm, chăm sóc nhau, tin tưởng và tôn trọng lẫn nhau. Trong cuộc sống vợ chồng của chị N và anh P đã không còn sự quan tâm dành cho nhau, tình cảm vợ chồng giữa chị N và anh P đã không còn, tình trạng mâu thuẫn giữa hai người là trầm trọng không thể khắc phục, hôn nhân của anh, chị không có hạnh phúc và không thể kéo dài được nữa. Căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận cho chị N được ly hôn với anh P.

[3] Về con chung: Chị Kim N và anh Trà P có một con chung là cháu Kim N1, sinh ngày 15/7/2017, cháu N1 hiện nay đang sống chung với anh P, thời gian anh P đi cai nghiện ma túy thì anh P có gửi con anh cho mẹ anh nuôi dưỡng. Anh P yêu cầu nuôi con, chị N cũng đồng ý giao cháu N1 cho anh P nuôi dưỡng sau khi vợ chồng ly hôn. Cháu N1 hiện nay cũng còn nhỏ và theo thể hiện trong hồ sơ thì cháu N1 đã sống với cha từ nhỏ. Xét thấy, hiện nay cháu N1 đang được cha ruột là anh Trà P nuôi dưỡng, còn mẹ ruột là chị N cũng đồng ý giao con cho anh P nuôi dưỡng. Để đảm bảo cuộc sống của cháu N1 được ổn định không bị xáo trộn về mặt tâm lý cũng như điều kiện chăm sóc nuôi dưỡng. Căn cứ theo quy định tại khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N1 cho anh P tiếp tục nuôi dưỡng đến đủ 18 (*mười tám*) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị N không ai được quyền ngăn cản chị N thực hiện hợp pháp quyền này. Về nghĩa vụ cấp dưỡng: anh Trà P không thể hiện ý kiến có yêu cầu cấp dưỡng nuôi con hay không nhưng tại phiên tòa chị N tự nguyện cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 750.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Chị Kim N phải chịu án phí hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng. Nhưng chị N được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp. Anh Trà P không phải chịu án phí.

[6] Đề nghị của Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thị xã Ngã Năm về hướng giải quyết vụ án nêu trong phần nội dung vụ án là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; điểm b khoản 2 Điều 227; khoản 1, khoản 3 Điều 228; Điều 266; Điều 271, Điều 273, Điều 280 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 51; khoản 1 Điều 56; khoản 2 Điều 81; Điều 82; Điều 83 của Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ điểm a khoản 5 và điểm a khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

*** Tuyên xử:** Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Kim N.

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Kim N được ly hôn với anh Trà P.

[2] Về con chung: Giao cháu Kim N1, sinh ngày 15/7/2017 cho anh Trà P trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng đến đủ 18 (mười tám) tuổi. Dành quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung cho chị Kim N1, không ai được quyền ngăn cản.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: chị Kim N tự nguyện cấp dưỡng nuôi cháu Kim N1, thời gian cấp dưỡng tính từ ngày 04/3/2021 (ngày tuyên án) đến khi cháu N1 đủ 18 (mười tám) tuổi, số tiền cấp dưỡng định kỳ hàng tháng là 750.000đ (Bảy trăm năm chục ngàn đồng).

[4] Về tài sản chung, nợ chung và nghĩa vụ cấp dưỡng giữa vợ và chồng khi ly hôn: Các đương sự không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5] Về án phí sơ thẩm: chị Kim N phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng và án phí cấp dưỡng 300.000 đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 0006890 ngày 14/10/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Ngã Năm. Như vậy, chị N còn phải nộp số tiền án phí 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng).

Án sơ thẩm xét xử công khai báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự vắng mặt tại phiên

tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND thị xã Ngã Năm;
- CCTHADS thị xã Ngã Năm;
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- UBND xã Mỹ Bình, TXNN;
- Lưu VT, Hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đặng Thị Vàng